

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021

## THÔNG BÁO

### Về việc xét tuyển nghiên cứu sinh năm học 2021-2022

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành kèm Thông tư số 18/2021/TT-BGDDT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Giao thông vận tải tổ chức xét tuyển nghiên cứu sinh (NCS) năm học 2021-2022 như sau:

#### 1. Hình thức tuyển sinh và thời gian đào tạo:

- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua Hồ sơ dự tuyển và Đề cương NCS (Danh mục, mã số ngành đào tạo và chỉ tiêu **Phụ lục 1**).

- Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo tiêu chuẩn là 04 năm (48 tháng).

- Hình thức đào tạo: Giáo dục chính quy; NCS phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại Trường Đại học Giao thông vận tải theo kế hoạch đã được phê duyệt; NCS được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho cơ sở đào tạo, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Trường.

#### 2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

##### 2.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

2.1.1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

2.1.2. Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

2.1.3. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

2.1.4. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

2.2.1. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam

cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

2.2.2. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

2.2.3. Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại **Phụ lục 2** còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

**2.3.** Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

#### **2.4. Đề cương về hướng nghiên cứu:**

Trình bày về hướng nghiên cứu hoặc chủ đề nghiên cứu: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan; lý do tại sao chọn hướng nghiên cứu; mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu. Đề cương được trình bày tối đa 10 trang trên khổ A4, đóng bìa theo mẫu đính kèm (ứng viên ký và ghi họ tên vào trang cuối của đề cương).

#### **2.4. Cán bộ hướng dẫn:**

Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Trường Đại học Giao thông vận tải hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Trường với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh. Người hướng dẫn phải đủ tiêu chuẩn hướng dẫn NCS theo quy định. (Danh sách cán bộ khoa học đủ tiêu chuẩn hướng dẫn NCS và hướng nghiên cứu được công bố tại website: <https://www.utc.edu.vn/danh-sach-nguoi-huong-dan-nghien-cuu-sinh-du-tieu-chuan-theo-tt18-2021-tt-bgddt-ngay-28-6-2021>).

### **3. Hồ sơ và quy trình, thời gian xét tuyển:**

#### **3.1. Hồ sơ xét tuyển bao gồm:**

- Kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá của NCS (**Phụ lục 3**);
- Phiếu dự tuyển (**Phụ lục 4**);
- Đơn xin dự tuyển (**Phụ lục 5**);
- Lý lịch khoa học của người dự tuyển (**Phụ lục 6**);
- Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ Ngoại ngữ;
- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm Đại học;
- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm Thạc sĩ (nếu chưa có bằng Thạc sĩ thì bằng và bảng điểm đại học hệ chính quy phải từ loại giỏi trở lên).
- Luận văn thạc sĩ; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc Giấy xác

nhận thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ (theo quy định tại mục 2.1.3);

- Đề cương nghiên cứu (theo quy định tại mục 2.4);
- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;
- Giấy đồng ý hướng dẫn NCS của tối thiểu 01 giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường Đại học Giao thông vận tải đủ tiêu chuẩn hướng dẫn theo quy định;
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
- Giấy khám sức khoẻ của một bệnh viện đa khoa cấp quận huyện trở lên;
- Bốn (04) ảnh 3x4;
- Phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ, điện thoại liên hệ;  
(Hồ sơ dự tuyển theo mẫu của Nhà trường, không giải quyết các trường hợp hồ sơ thiếu).

### **3.2. Quy trình và thời gian xét tuyển:**

#### **3.2.1. Quy trình:**

- Ứng viên đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ online theo đường link:  
<https://utc.edu.vn/nghien-cuu-sinh/>

- Sau khi được duyệt hồ sơ online ứng viên đến nộp hồ sơ trực tiếp (theo mục 3.1)

#### **3.2.2. Thời gian xét tuyển:**

- Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển: Từ ngày ra Thông báo đến khi có Thông báo mới;

- Nhà trường sẽ tổ chức xét tuyển vào cuối mỗi quý.
- Thông báo kết quả xét tuyển: dự kiến sau 2 tháng kể từ ngày ứng viên hoàn thiện hồ sơ online.

#### **Lưu ý:**

- Các phụ lục 1, 2, 3 đính kèm dưới Thông báo này;
- Các phụ lục 4, 5, 6 người dự tuyển khai trong phần mềm tại đường link:  
<https://utc.edu.vn/nghien-cuu-sinh/>;
- Bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài phải có CÔNG NHẬN của Cục Quản lý chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Phiếu dự tuyển và Lý lịch khoa học của người dự tuyển có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương;

- Người dự tuyển nộp các văn bằng, chứng chỉ bản công chứng và mang bản chính đến để đối chiếu khi đến nộp hồ sơ. Hồ sơ nộp tại Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (Phòng 209 nhà A9), Trường Đại học Giao thông vận tải (Số 03 - Phố cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội).

Điện thoại: 04.37606352. Website: <https://utc.edu.vn/>. *HN*

*Nơi nhận:*

- Các Bộ, UBND tỉnh (TP);
- Các Sở GTVT; Các Viện NC về GTVT;
- BGH (để b/c);
- PH Trường ĐHGTVT tại TP.HCM;
- Các khoa; Phòng ĐTDH; P.DTSDH;
- Trang TT điện tử Trường ĐHGTVT;
- duatin@moet.edu.vn;
- Lưu P.HCTH, P.KTBCLĐT.



**PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương**

**PHỤ LỤC 1:**

**DANH MỤC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CẤP IV TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2021  
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Kèm theo Thông báo số 830<sup>b</sup>/TB-DHGTVT ngày 20/10/2021 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Giao thông vận tải)

Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ tiến sĩ			Chuyên ngành tuyển sinh		Chỉ tiêu
TT	Tên gọi	Mã số	Tên chuyên ngành		
1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9580205	1	Xây dựng đường ô tô và đường thành phố	3
			2	Xây dựng đường sắt	
			3	Xây dựng cầu hầm	
			4	Địa kỹ thuật xây dựng	
2	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt	9580206	1	Xây dựng công trình đặc biệt	5
3	Cơ kỹ thuật	9520101	1	Cơ học chất rắn	5
			2	Cơ học kỹ thuật	
4	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	1	Kỹ thuật máy và thiết bị xây dựng, nâng chuyên	5
			2	Khai thác, bảo trì thiết bị xây dựng, nâng chuyên	
			3	Kỹ thuật ô tô - máy kéo	
			4	Khai thác, bảo trì ô tô - máy kéo	
			5	Kỹ thuật đầu máy xe lửa - toa xe	
			6	Khai thác, bảo trì đầu máy xe lửa - toa xe	
5	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9520216	1	Tự động hóa	5
6	Kỹ thuật viễn thông	9520208	1	Kỹ thuật viễn thông	5
7	Quản lý xây dựng	9580302	1	Kinh tế xây dựng	3
8	Tổ chức và quản lý vận tải	9840103	1	Tổ chức và quản lý vận tải	5
			2	Khai thác vận tải	

HĐ

**PHỤ LỤC 2:****DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO  
TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

(Kèm theo Thông báo số 8306/TB-ĐHGTVT ngày 20/10/2021 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Giao thông vận tải)

<b>STT</b>	<b>Ngôn ngữ</b>	<b>Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận</b>	<b>Trình độ/Thang điểm</b>
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	TPKI - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	TPKI-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

**PHỤ LỤC 3:****KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

(Kèm theo Thông báo số 830<sup>b</sup>/TB-ĐHGTVT ngày 20/10/2021 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Giao thông vận tải)

Trường Đại học Giao thông vận tải

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)	10 - 12 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	04 - 06 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 2	Thực hiện phần 1 của Luận án	đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 2 của Luận án	đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố, ...
Năm thứ 4	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	Luận án và các bài công bố, ...

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào Điều 2, Điều 3 Chương I; Điều 9 Chương III của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)